

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+TTC2+AMD	7:25	11+2+8	0+0+0		4+0+18	0+0+0	chuyen 1 ctk3-tt2
2		P6+BK19+PPD	7:25	0+0+21	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 p6-bk19chuyen 1 bk19-ppd
3		P9+P8+TD1	7:25	5+3+14	0+0+0		0+0+19	0+0+0	chuyen 1 p9-p8
4		C10+GTC1	9:25	20+0	0+0		17+2	0+0	
5		AMD+TTC1	9:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
6		P4+PPD	9:25	8+14	0+0+0		0+10	0+0+0	
7		T.UNG	11:00	16	0		18	0	
8		PPD+CTK3	11:25	7+15	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ I người TD1 về đi PPD



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2025	TO: CTK3 - TTC2 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LINH - SON - DTÙNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ HỮU HA	CTK3	84	1	6	1	20	67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRỌNG KIM	CTK3	05	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	80	1	3			75	PSV	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN KHÁNH	CTK3	81-82	2	13			77	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN ANH	CTK3	06	1	7			78	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	78	1	15			76	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HẢI NAM	CTK3	02	1	10			79	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN TRỌNG THẮNG	CTK3	76	1	15			70	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN THANH	CTK3	79	1	12			71	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	CTK3	01,77	2	17			72	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC QUANG	CTK3	03-04	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI VĂN MINH	TTC2	60-61	2	12	3	60	60	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ NGỌC HIỆP	TTC2	62-64	3	20			80	CODIEN	Vietnamese
14	TRAN NAM TRUNG	AMD	73	1	5			74	HLJOC	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC TAN	AMD	76	1	4			73	TLJOC	Vietnamese
16	NGUYEN LE HONG VU	AMD	74-75	2	12			61	TLJOC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DUAN	AMD	82-83	2	13			65	SOLAR	Vietnamese
18	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	80-81	2	7			83	KH-THAC	Vietnamese
19	TRINH VAN PHA	AMD	78	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THỦY	AMD	77	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	79	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	11	797	14	123	1	20	47		CHUYEN 1 PAX CTK3-TTC2
2	TTC2	2	140	5	32	3	60	0		
3	AMD	8	559	11	64	0	0	18		
TOTAL		21	1.496	30	219	4	80	22		
WEIGHT KG			1.496		219		80			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2025	TO: P6 - BK19 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VIỆT - HTRUNG - TÚ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SYSTEROV ROMAN	PPD	08-09	2	15			78	KH-THAC	Russian
2	ĐO XUÂN SƠN	PPD	10	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI NANG PHONG	PPD	15	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN THANG	PPD	17	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH THANG	PPD	22	1	5			53	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC CU	PPD	18	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG THANG	PPD	12	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
8	KIRIEV	PPD	11	1	6			88	NIPI	Russian
9	NGUYEN THANH HOA	PPD	13	1	6			94	NIPI	Vietnamese
10	LE SY KHOA	PPD						77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN VINH	PPD	16	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOAN VAN THUAN	PPD	07	1	2			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG KHOI	PPD	14	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO ĐỨC VỌNG	PPD						65	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH BA NINH	PPD	23	1	3	1	20	56	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ QUANG HUY	PPD	21	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN PHUONG	PPD	24	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO SACH ĐỨC	PPD	25	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO XUÂN HÀ	PPD	19	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
20	LE ANH TUAN	PPD	26	1	8	2	10	64	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN MINH	PPD	20	1	8			55	BIEN ĐONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	0	0	0	0	1	10	0+	1	CHUYEN 1 PAX P6-BK19
2	BK19	0	0	0	0	2	40	0+	1	CHUYEN 1 PAX BK19-PPD
3	PPD	21	1.472	20	107	3	30	22		
TOTAL		21	1.472	20	107	6	80	22		
WEIGHT KG			1.472		107		80			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2025	TO: P9 - P8 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LHM - NPHU - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUU MANH	P9	04	1	11			72	BIEN DONG	Vietnamese
2	NGUYEN HUU CUONG	P9	06	1	15	1	10	48	BIEN DONG	Vietnamese
3	BUI XUAN CUONG	P9	10-11	2	15			64	BIEN DONG	Vietnamese
4	ĐAM HUY TRUNG	P9	08-09	2	22			60	BIEN DONG	Vietnamese
5	NGUYEN BA THANG	P9	05	1	12			52	BIEN DONG	Vietnamese
6	NGUYEN DINH CONG	P8	03-05	3	19			65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO SY TRINH	P8	07-08	2	10	2	30	58	BIEN DONG	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SON	P8	06	1	8			57	BIEN DONG	Vietnamese
9	SHMAKOV ALEXANDER	TD1	94	1	8			80	KHOAN	Russian
10	TRẦN HUY QUANG	TD1	97	1	7			65	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHONG	TD1	03	1	2	2	30	66	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VAN LUAN	TD1	95	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM QUANG ANH	TD1	02	1	4			84	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN THANH TUAT	TD1	98	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	04	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HONG HAI	TD1	30-31	2	12			61	YTE	Vietnamese
17	PARSAKORN NACBUREE	TD1	32-33	2	17			83	SLB	Thailand
18	NGUYEN VAN TUYEN	TD1	05-06	2	9			69	KHOAN	Vietnamese
19	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	96	1	8			83	KHOAN	Vietnamese
20	ĐO QUANG LUC	TD1	01	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
21	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	99	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ MẠNH HUNG	TD1	400	1	9			86	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	5	296	7	75	1	10	0+2	CHUYEN 2 PAX TU P9 SANG P8	
2	P8	3	180	6	37	2	30	0		
3	TD1	14	1.008	17	104	2	30	19		
TOTAL		22	1.484	30	216	5	70	19		
WEIGHT KG			1.484		216		70			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2025	TO: CLO - GTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LINH - SON - DTÙNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN PHU VINH	CLO	17	1	8			56	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH NGOC GIANG	CLO	25	1	2			81	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN LAP QUOC	CLO	11	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM ĐUC MINH	CLO	14	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN THE NHU	CLO	15	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN DOAN SUU	CLO	20	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM CONG CHUNG	CLO	16	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN QUYNH	CLO	12	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG TRUNG THONG	CLO	21	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
10	VU MINH HIEU	CLO	22	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG THANH MINH	CLO	23-24	2	13			66	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH XUAN PHU	CLO	18	1	3			72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC THACH	CLO	13	1	7			68	D-HANH	Vietnamese
14	THAN HUU TRUONG	CLO	32	1	5			78	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN BA HUNG	CLO				3	19	80	DVL	Vietnamese
16	NGO TRI HOANG	CLO	28	1	9			71	DVL	Vietnamese
17	ĐAO VAN YEN	CLO	27	1	14			63	DVL	Vietnamese
18	VU VAN TRUNG	CLO	26	1	18			72	DVL	Vietnamese
19	LE VAN HUNG	CLO	19	1	4			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	19	1.328	19	127	3	19	17		
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	1.328	19	127	3	19	19		
WEIGHT KG			1.328		127		19			

GRAND TOAL: 1.474 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2025	TO: AMD - TTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VIỆT - HTRUNG - TÚ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	55-56	2	20			89	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUANG LONG	AMD	70	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
3	YA LỘC	AMD	71	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	46	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THUY	AMD	49	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI BA HÙNG	AMD	72	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VIỆT THĂNG	AMD	62-63	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	AMD	57-58	2	12			56	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN HƯƠNG	AMD	54	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHĨA	AMD	47-48	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG DUY	AMD	52-53	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA QUÂN	AMD	64-65	2	10			82	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN THANH MAI	AMD	69	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN PHƯƠNG	AMD	68	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ TRUNG HIỆU	AMD	67	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	66	1	6			56	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN THỤ	AMD	61	1	7			70	PSV	Vietnamese
18	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	50	1	4			64	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	59	1	3			63	PSV	Vietnamese
20	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	51	1	4			59	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	AMD	60	1	6			58	PSV	Vietnamese
22	ĐẶNG NHÂN ĐỨC	AMD	45	1	7			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	22	1.487	28	170	0	0	21		
2	TTC1	0	0	0	0	2	35	1		
TOTAL		22	1.487	28	170	2	35	22		
WEIGHT KG			1.487		170		35			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2025	TO: P4 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:59
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LHM - NPHU - HTNAM	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	YUKHIMCHUK	P4	16	1	11			83	KH-THAC	Russian
2	TRINH HUU CAN	P4	24	1	14			72	KH-THAC	Vietnamese
3	VO TRONG NHIEN	P4	23	1	15			56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN GIA CUONG	P4	22	1	12			65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN QUOC HUNG	P4	17	1	8	1	15	93	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRUONG SINH	P4	13	1	8			72	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TIEP	P4	14-15	2	19			77	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN HAI ĐANG	P4	11-12	2	22			81	DVL	Vietnamese
9	DUONG LE LAP	PPD	07	1	8			63	BIEN ĐONG	Vietnamese
10	TRAN THI BICH TRAM	PPD	06	1	8			51	VIET PHAT	Vietnamese
11	LUU QUY TRUNG	PPD	09	1	4			71	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN DINH AN	PPD	10	1	5			59	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN THANH MINH	PPD	08	1	6			59	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC LINH	PPD	03	1	5			68	PSV	Vietnamese
15	HOANG VAN DOANH	PPD	11	1	4			68	PSV	Vietnamese
16	TRAN MINH THUAN	PPD	04	1	5			74	PSV	Vietnamese
17	TA QUANG PHUC	PPD	02	1	3			108	PSV	Vietnamese
18	LY CHUYEN CHIEU	PPD	05	1	5			103	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN TEO	PPD	01	1	4			56	PSV	Vietnamese
20	ĐANG TUAN NHAT	PPD	14-15	2	8	2	14	77	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN TOAN THANG	PPD	16	1	19	1	15	74	CODIEN	Vietnamese
22	TRAN THANH QUANG	PPD	28	1	8			72	VIET PHAT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	8	599	10	109	1	15	0		
2	PPD	14	1.003	15	92	3	29	10		
TOTAL		22	1.602	25	201	4	44	10		
WEIGHT KG			1.602		201		44			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN






FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2025	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LTUẤN - XTRƯỜNG	ETA: 14:10
VANG			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN NGÔ HOAN	T.UNG	45	1	4	7	130	64	YTE	Vietnamese
2	ZELENSKII A	T.UNG	38	1	6			82	KH-THAC	Russian
3	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	43	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VIET TÙNG	T.UNG						73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG DUONG	T.UNG	42	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH NAM	T.UNG	88-89	2	10			78	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ HIẾN THÀNH	T.UNG	46-47	2	15			57	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THI	T.UNG	40	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	36	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	41	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN QUANG HOA	T.UNG						73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH TUẤN	T.UNG	63	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐUƠNG NGỌC HIẾN	T.UNG	48	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN ĐẶC TUY	T.UNG	44	1	2			60	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TƯ LONG	T.UNG	39	1	4			66	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN QUÂN	T.UNG	37	1	4			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	16	1.125	16	77	7	130	18		
TOTAL		16	1.125	16	77	7	130	18		
WEIGHT KG			1.125		77		130			

GRAND TOAL: 1.332 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2025	TO: PPD - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: KHOÀN - N.CƯƠNG -	ETA: 14:00
XANH-3		HIEU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN MINH TUẤN	PPD	87	1	11			74	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN DAT	PPD	90	1	17	1	16	79	CODIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG SỰ	PPD	88-89	2	16			78	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN SƠN TUNG	PPD	86	1	11			70	CODIEN	Vietnamese
5	TRỊNH QUANG HUY	PPD	83-84	2	11			73	NIPI	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC SƠN	PPD	85	1	12			74	NIPI	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN TU	CTK3	91-92	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TRƯỜNG	CTK3	96	1	15			76	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VAN BAC	CTK3						70	PSV	Vietnamese
10	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	86	1	5			68	PSV	Vietnamese
11	TRẦN HÙNG ANH	CTK3	100	1	4			70	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	CTK3	98-99	2	16	1	20	64	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TIẾN	CTK3	93	1	8			63	PSV	Vietnamese
14	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	CTK3	97	1	4			69	PSV	Vietnamese
15	TRẦN KHÁC MẠNH	CTK3	85	1	9			65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TÂN ĐẠT	CTK3	83-84	2	13			71	NAM TIEN	Vietnamese
17	ĐỖ HAI ĐẠO	CTK3	87	1	10			75	NAM TIEN	Vietnamese
18	ĐOÀN MINH HIỆP	CTK3	89-90	2	14			58	NAM TIEN	Vietnamese
19	VÕ VĂN HOA	CTK3	81-82	2	12			62	NAM TIEN	Vietnamese
20	DƯƠNG NGỌC THƯƠNG	CTK3	94-95	2	15			62	NAM TIEN	Vietnamese
21	PHAN VĂN ỨT	CTK3	88	1	5			66	NAM TIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	6	448	8	78	1	16	0		
2	CTK3	15	1.007	20	150	1	20	22		
TOTAL		21	1.455	28	228	2	36	22		
WEIGHT KG			1.455		228		36			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN